

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

"V/v Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Cường và ông Vi Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 83/TB-TA ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị N** - Sinh năm 1994

Nơi đăng ký thường trú: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang ở tại: Khu Đ, thị trấn B, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Anh **Đoàn Văn T** - Sinh năm 1996

Nơi cư trú: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Bùi Thị N vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị N trình bày như sau:

- Chị và anh Đoàn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 21/9/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với bố mẹ anh T tại xã Đ, huyện T. Vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, anh T ham chơi không quan tâm đến gia đình. Do cuộc sống vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc nên tháng 5/2020, chị đã về nhà nhà bố mẹ đẻ tại H ở, còn anh T vẫn ở cùng gia đình anh T tại khu 1, xã Đ, huyện T, vợ chồng sống

ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn anh Đoàn Văn T.

- Về con chung: Chị Bùi Thị N trình bày chị và anh Đoàn Văn T có với nhau 02 con chung là Đoàn Gia K; sinh ngày 16/12/2016 (hiện đang ở với anh T và mẹ anh T tại khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ) và Đoàn Ngọc Y; sinh ngày 09/3/2019 (hiện nay đang ở với chị tại khu Đ, Ba H, huyện L, tỉnh Hòa Bình). Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu hiện nay con đang ở với ai thì người đó tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Bùi Thị N trình bày chị và anh Đoàn Văn T không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Về phía bị đơn là anh Đoàn Văn T đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Đoàn Văn T vẫn vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được vụ án, còn nguyên đơn là chị Bùi Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Đoàn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp nhưng trong quá trình chung sống, do điều kiện kinh tế và vợ chồng không cùng nhau chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống nên đã phát sinh mâu thuẫn. Theo lời trình bày của chị N, kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương và lời trình bày của bà Bùi Thị T (là mẹ đẻ anh T), thì hiện nay anh T vẫn đang sinh sống tại địa phương nhưng chị N và anh T đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019. Như vậy, có căn cứ để khẳng định; chị N và anh T đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có ý nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị Bùi Thị N và anh Đoàn Văn T có với nhau 02 con chung như đã trình bày ở trên. Theo chị N trình bày, kết quả xác minh của Tòa án và lời trình bày của bà Bùi Thị T (là mẹ đẻ anh T) thì hiện nay con chung là cháu Đoàn Ngọc Y đang ở với chị N tại thị trấn B, huyện L, tỉnh Hòa Bình, còn con chung là cháu Đoàn Gia K đang ở với anh T và mẹ anh T tại khu 1, xã Đ, huyện

T, các con đều đang có cuộc sống ổn định và được chăm sóc đầy đủ, quyền lợi được đảm bảo. Chị N và anh T cũng như gia đình anh T đều có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con như hiện nay. Xét yêu cầu được nuôi con của hai bên là nguyện vọng chính đáng, xuất phát từ tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con của mình và thực tế mỗi bên cũng đều có các điều kiện nhất định để nuôi con. Vì vậy, để cho các con chung không bị ảnh hưởng tâm lý khi phải thay đổi môi trường, tiếp tục có cuộc sống ổn định để học tập và phát triển và cũng để cho chị N, anh T cùng chia sẻ trách nhiệm trong việc nuôi dạy giáo dục con, đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng con tốt nhất nên sau khi ly hôn giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay. Cụ thể chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Đoàn Ngọc Y, còn anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Đoàn Gia K, như vậy là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của mỗi bên, đảm bảo được quyền lợi của các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N và anh T mỗi người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung nên chị N và anh T đều không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Bùi Thị N trình bày không có, nhưng do bị đơn là anh Đoàn Văn T vắng mặt nên chưa có căn cứ để giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị N là nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Đoàn Văn T.

- Về nuôi con chung sau ly hôn:

+ Giao cho chị Bùi Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đoàn Ngọc Y; sinh 09/3/2019 (hiện đang ở với chị N tại khu Đ, thị trấn B, huyện L, tỉnh Hòa Bình);

+ Giao cho anh Đoàn Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đoàn Gia K; sinh 16/12/2016 (hiện đang ở với anh T và mẹ anh T tại khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ);

Chị Bùi Thị N và anh Đoàn Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị N và anh Đoàn Văn T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Bùi Thị N phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị N đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0003371 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Đ, h. T;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hồng Tuấn